ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐĂK RVE	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 317 /KH-UBND	*Đăk Rve, ngày 21 tháng 9 năm 2026*

KẾ HOẠCH
Điều tra, kiểm kê rừng trên địa bàn xã Đăk Rve

Căn cứ các Quyết định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn *(nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường)* số 1826/QĐ-BNN-KL ngày 20/6/2024 ban hành Kế hoạch kiểm kê rừng tại các tỉnh vùng Tây Nguyên; Quyết định số 831/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 về việc điều chỉnh Kế hoạch kiểm kê rừng tại các tỉnh Tây Nguyên; Kế hoạch số 228/KH-UBND ngày 23/6/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc kiểm kê rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 692/QĐ-UBND ngày 25/8/2026 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề cương kỹ thuật, dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ điều tra, kiểm kê rừng tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2026-2027;

UBND xã Đăk Rve ban hành Kế hoạch điều tra, kiểm kê rừng trên địa bàn xã, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT

Sau hơn 10 năm thực hiện điều tra, kiểm kê rừng từ năm 2014; hiện nay, nhiều khu vực có hiện trạng rừng không còn phù hợp với thực tế tại địa phương. Đồng thời, thực hiện Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh và đối với xã Đăk Rve được thành lập theo Nghị quyết số 1677/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Có diện tích tự nhiên hiện tại là 21.287,98 ha. Trên địa bàn xã có 2.225 hộ; dân số 8.184 người *(trong đó, dân tộc thiểu số có 4.968 (chiếm 60,7%),* chủ yếu là dân tộc Kinh, Xơ Đăng, Hrê, Ba Na...

Trên cơ sở sáp nhập nguyên trạng diện tích tự nhiên, dân số của xã Đăk Pne và thị trấn Đăk Rve (cũ); khi chính quyền địa phương hai cấp chính thức đi vào hoạt động đã đặt ra yêu cầu cấp thiết phải rà soát, chuẩn hóa và đồng bộ lại toàn bộ hệ thống dữ liệu về rừng, đất lâm nghiệp và chủ quản lý rừng để đánh giá đúng thực trạng công tác quản lý hiện trạng rừng trong thời gian qua nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về lâm nghiệp theo quy định của Luật Lâm nghiệp; quản lý, sử dụng đất đai đúng quy định của Luật Đất đai, bảo đảm quyền lợi của các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

Việc tổ chức điều tra, kiểm kê rừng làm cơ sở cho hoạch định quy hoạch, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; gắn kết chặt chẽ với việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy về phát triển lâm nghiệp bền vững, Nghị quyết về phát triển dược liệu, nông lâm sản gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm và các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và của xã; đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; hạn chế thấp nhất tình trạng tranh chấp đất đai, lấn chiếm,

khiếu nại, khiếu kiện có liên quan trong lĩnh vực Lâm nghiệp, do đó việc triển khai sớm nhiệm vụ điều tra, kiểm kê rừng trên địa bàn xã là việc làm cấp thiết.

II. NGUYÊN TẮC, MỤC TIÊU, PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG

1. Nguyên tắc:

- Việc điều tra, kiểm kê rừng được tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Lâm nghiệp năm 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành; bảo đảm tuân thủ nguyên tắc phân cấp, phân quyền, phân định rõ trách nhiệm giữa Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã và các chủ rừng, phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

- Kế thừa, sử dụng có chọn lọc các tài liệu, số liệu, sản phẩm điều tra, kiểm kê rừng đã được thực hiện hợp pháp trước thời điểm sáp nhập tỉnh; đồng thời rà soát, chuẩn hóa, thống nhất dữ liệu rừng và đất lâm nghiệp trên phạm vi toàn xã.

- Việc điều tra, kiểm kê rừng được thực hiện phù hợp với kiểm kê đất đai.

- Điều tra, kiểm kê rừng được thực hiện đồng bộ, toàn diện nhằm xác định rõ ràng, cụ thể diện tích rừng *(theo chủ quản lý và hiện trạng),* diện tích rừng bị chồng lấn, tranh chấp về chủ quản lý, rừng nghèo kiệt phân bố manh mún trên địa bàn.

- Chủ rừng có trách nhiệm thực hiện kiểm kê rừng và chịu sự kiểm tra của cơ quan chuyên ngành về lâm nghiệp; cấp xã đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư; kê khai số liệu kiểm kê rừng theo biểu mẫu quy định và chịu trách nhiệm về nội dung kê khai.

- Ứng dụng khoa học công nghệ trong kiểm kê rừng để đảm bảo tính chính xác, khách quan của kết quả kiểm kê.

- Kết quả kiểm kê rừng được tích hợp vào cơ sở dữ liệu theo dõi diễn biến rừng trung tâm đặt tại Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm *(gọi tắt là Dữ liệu trung tâm)* làm dữ liệu gốc để thực hiện theo dõi diễn biến rừng hằng năm.

2. Mục tiêu:

- Xác định được toàn diện về hiện trạng diện tích rừng, trữ lượng rừng, trữ lượng các-bon rừng và diện tích đất quy hoạch cho lâm nghiệp chưa có rừng gắn với chủ quản lý.

- Đánh giá tình hình biến động diện tích rừng, trữ lượng rừng theo đơn vị hành chính các cấp xã so với số liệu theo dõi diễn biến rừng để giúp cho các cơ quan quản lý nhà nước từ Trung ương tới địa phương trong việc quản lý, sử dụng, phát triển rừng và đất quy hoạch cho lâm nghiệp chưa có rừng một cách hiệu quả, bền vững.

- Cập nhật, bổ sung, chuẩn hóa và hoàn thiện cơ sở dữ liệu tài nguyên rừng, hồ sơ quản lý rừng, phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát về lâm nghiệp, là cơ sở để theo dõi diễn biến rừng và đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng.

- Xác định rõ ràng, cụ thể diện tích rừng bị chồng lấn, tranh chấp về chủ quản lý, rừng nghèo kiệt phân bố manh mún trong vùng quy hoạch bố trí dân cư, nhằm tạo thêm quỹ đất để triển khai cơ chế, chính sách về bố trí, ổn định dân cư, đặc biệt

là chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số, hộ nghèo.

3. Phạm vi:

Việc điều tra, kiểm kê rừng được thực hiện trên phạm vi toàn xã Đăk Rve, cụ thể:

Điều tra, kiểm kê diện tích, trữ lượng rừng, trữ lượng các-bon của rừng tự nhiên, rừng trồng thuộc quy hoạch lâm nghiệp và rừng ngoài quy hoạch lâm nghiệp.

Điều tra, kiểm kê diện tích đất quy hoạch cho lâm nghiệp chưa có rừng.

4. Đối tượng:

Theo chủ rừng: Chủ rừng theo quy định tại Điều 8 Luật Lâm nghiệp; Ủy ban nhân dân cấp xã *(quản lý diện tích rừng và đất chưa có rừng quy hoạch cho lâm nghiệp chưa giao, chưa cho thuê).*

Theo mục đích sử dụng: Rừng đặc dụng; rừng phòng hộ; rừng sản xuất; rừng ngoài quy hoạch cho lâm nghiệp *(rừng tự nhiên, rừng trồng đã quy hoạch cho mục đích khác hoặc từ trước đến nay không thuộc quy hoạch lâm nghiệp).*

5. Quy mô:

Tổng diện tích tự nhiên 21 287,98 ha.

Tổng diện tích có rừng 15 543,59 ha *(trong đó: Rừng tự nhiên: 15,147,53 ha; diện tích rừng trồng: 396,06 ha)*;

Rừng phòng hộ 2 465,08 ha.

Rừng sản xuất 13 078,51 ha.

Tỷ lệ che phủ rừng 72,36%.

III. NỘI DUNG ĐIỀU TRA, KIỂM KÊ RỪNG

1. Điều tra, kiểm kê rừng theo trạng thái: Kiểm kê rừng tự nhiên; kiểm kê rừng trồng; kiểm kê đất quy hoạch cho lâm nghiệp chưa có rừng.

2. Điều tra, kiểm kê theo chủ quản lý: Chủ quản lý rừng thuộc nhóm I, gồm: Hộ gia đình, cá nhân trong nước; Cộng đồng dân cư được giao rừng, thuê rừng; Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Điều tra, kiểm kê theo mục đích sử dụng:

Điều tra, kiểm kê rừng phòng hộ, bao gồm: Rừng phòng hộ đầu nguồn; rừng bảo vệ nguồn nước của cộng đồng dân cư.

Điều tra, kiểm kê rừng sản xuất.

Điều tra, kiểm kê rừng ngoài quy hoạch lâm nghiệp.

IV. THỜI GIAN, KẾ HOẠCH THỰC HIỆN: Kế hoạch kiểm kê rừng tại xã thực hiện trong giai đoạn 2026-2027 theo lộ trình của tỉnh.

V. DỰ KIẾN KINH PHÍ: Nguồn ngân sách tỉnh cấp.

VI. SẢN PHẨM

1. Báo cáo kết quả kiểm kê rừng theo đơn vị hành chính cấp xã.

2. Hệ thống bản đồ: Bản đồ kết quả kiểm kê rừng cấp xã, theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 18 Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

3. Hệ thống biểu số liệu: Hệ thống biểu tổng hợp kết quả kiểm kê rừng theo cấp hành chính thực hiện theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều 18 Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

4. Hồ sơ quản lý rừng: Hồ sơ quản lý rừng theo quy định tại khoản 5 Điều 18 Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Kinh tế xã:

- Là đầu mối chủ trì tham mưu, giúp UBND xã tổ chức thực hiện điều tra, kiểm kê rừng theo quy định tại quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 102 Luật Lâm nghiệp *(được sửa đổi bởi điểm c khoản 17 Điều 8 Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025)* và Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Thành lập Tổ công tác điều tra, kiểm kê rừng, tham mưu ban hành quyết định phân công nhiệm vụ cho Tổ trưởng, các Tổ phó và các thành viên của Tổ.

- Cung cấp đầy đủ, kịp thời các tài liệu về kiểm kê đất đai; giao đất, cho thuê đất và các bản đồ có liên quan để đơn vị tư vấn tích hợp vào hồ sơ kiểm kê rừng, đảm bảo đồng bộ với kiểm kê đất đai.

- Tham mưu UBND xã phê duyệt kết quả kiểm kê rừng trên địa bàn xã.

- Thực hiện chế độ báo cáo UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường kết quả điều tra, kiểm kê rừng theo quy định.

2. Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã: Tuyên truyền, phổ biến cho các chủ rừng, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình có liên quan về nội dung kế hoạch điều tra, kiểm kê rừng.

3. Hạt Kiểm lâm khu vực XIII:

- Phối hợp, hỗ trợ UBND xã trong ban hành các văn bản, kế hoạch triển khai, kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện kiểm kê rừng trên địa bàn xã và chủ rừng là cộng đồng thôn, hộ gia đình, cá nhân.

- Phân công Công chức phụ trách bộ phận Quản lý bảo vệ rừng Hạt Kiểm lâm Khu vực XIII biên tập và hoàn thiện bản đồ kiểm kê rừng cấp xã sử dụng hệ quy chiếu và hệ tọa độ quốc gia VN-2000 theo tỷ lệ quy định tại điểm a khoản 4 Điều 18 Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Trển khai tổ chức thực hiện các hoạt động có liên quan đến công tác kiểm kê rừng trên địa bàn xã thuộc phạm vi quản lý của Hạt.

4. Thôn trưởng các thôn trên địa bàn xã:

- Có trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến cho các chủ rừng, tổ chức, cộng đồng thôn, cá nhân, hộ gia đình có liên quan về nội dung kế hoạch điều tra, kiểm kê rừng trên địa bàn thôn mình phụ trách.

- Phối hợp với phòng Kinh tế trong quá trình điều tra, kiểm kê rừng trên địa bàn thôn.

Trên đây là Kế hoạch điều tra, kiểm kê rừng trên địa bàn xã, yêu cầu Thủ trưởng các phòng, đơn vị và Thôn trưởng các thôn nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:
- Sở NN và MT (thay b/c);
- Chi cục Kiểm lâm tỉnh (thay b/c);
- Hạt Kiểm lâm khu vực XIII (phối hợp);
- CT, các PCT UBND xã;
- Phòng Kinh tế xã (thực hiện);
- Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã (thực hiện);
- Thôn trưởng các thôn (thực hiện);
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ ĐĂK RVE T. QUẢNG NGÃI

Trần Văn Hiển